

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co quanh ngưỡng kháng cự 1,350 trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,352.04 điểm, tăng hơn 5 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 8/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà tăng. Ở chiều ngược lại, ngành Truyền thông giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Hiện tại thị trường vẫn giằng co quanh ngưỡng kháng cự cũ với thanh khoản thấp. VN-Index cần một cây nến chỉ hướng với thanh khoản ủng hộ để xác nhận xu hướng tăng điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm ngược chiều với nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2506.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 19/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.21** điểm, đóng cửa tại **1352.04** điểm. HNX-Index **-0.64** điểm, đóng cửa tại **227.56** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+2.04)**, **VIC (+1.28)**, **GVR (+0.86)**, **CTG (+0.69)**, **GAS (+0.50)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.37)**, **FPT (-0.34)**, **HAV (-0.28)**, **VCB (-0.20)**, **BSR (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,248** tỷ đồng, giảm **-12.55%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,760 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 11.88 điểm. Thị trường có **139** mã tăng, 63 mã tham chiếu, **162** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-893.40** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-388.86 tỷ)**, **VHM (-120.75 tỷ)**, **STB (-101.31 tỷ)**, **VIC (-64.62 tỷ)**, **MWG (-53.15 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **21.75** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.10%**. Các mã diễn biến tích cực:
TCB (+3.66%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+3.01%)
CTG (+1.37%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.11%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGW (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
GVR (+3.10%)
SZC (+1.67%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.10%	0.11%	0.39%	0.44%
1 tuần	2.80%	0.03%	2.20%	1.92%
1 tháng	6.10%	4.09%	2.81%	2.26%
3 tháng	0.15%	-2.42%	2.28%	4.43%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,352.04	227.56	99.13
% 1D	0.39%	-0.28%	-0.18%
GTKL (tỷ VND)	16,248	1,470	386
%1D	-12.55%	10.62%	-37.50%
GDNN (tỷ VND)	-893.40	21.75	-29.95

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGW	62.81	FPT	-388.86
SSI	61.03	VHM	-120.75
CTG	47.13	STB	-101.31
GVR	36.98	VIC	-64.62
NVL	34.49	MWG	-53.15

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

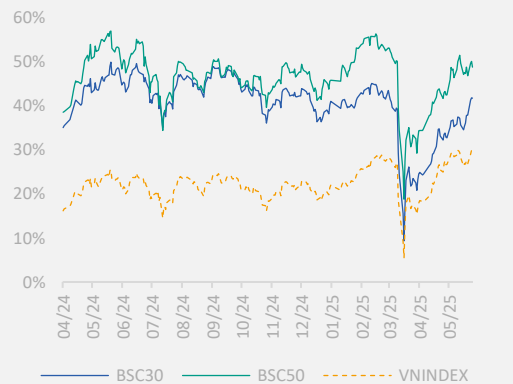
		%D	%W
SPX	5,981	-0.03%	-0.69%
FTSE100	8,810	-0.38%	-0.85%
Eurostoxx	5,225	-0.93%	-2.81%
Shanghai	3,362	-0.79%	-1.19%
Nikkei	38,488	-1.02%	0.97%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	77.04	1.26%
Giá vàng	3,368	-0.68%
Tỷ giá		
USD/VND	26,276	0.13%
EUR/VND	30,730	-0.09%
JPY/VND	184	-0.54%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.01%
LS LNH 1M	3.9%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

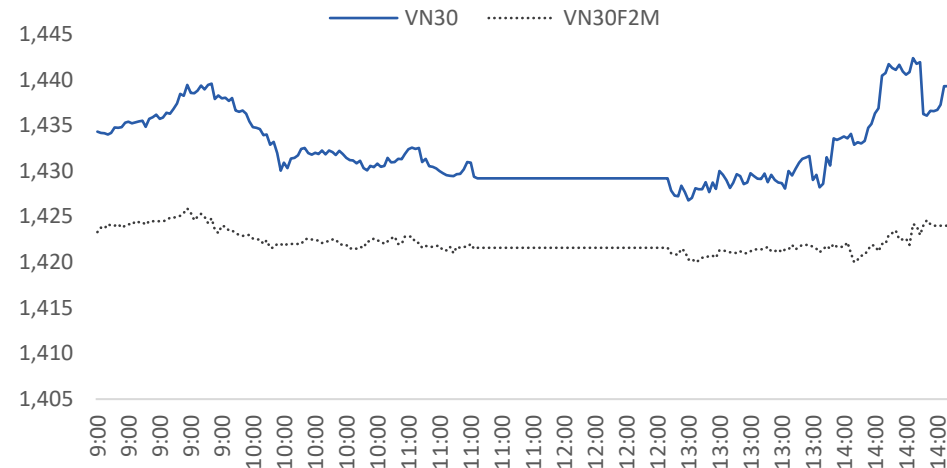
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1419.10	-0.03%	218	2.3%	18/09/2025	91
VN30F2512	1416.10	-0.16%	110	3.8%	18/12/2025	182
4111F7000	1424.00	0.00%	21,864	91.5%	17/07/2025	28
VN30F2506	1440.80	0.94%	146,324	-8.7%	19/06/2025	0

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +6.31 điểm, đóng cửa tại 1439.3 điểm. Biên độ dao động 16.05 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VIC, LPB, MWG, VHM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên. Thanh khoản thị trường lùi về dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới trong bối cảnh thị trường chưa có tín hiệu đột phá rõ ràng.
- Các HĐTL giảm ngược chiều với nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2506. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMWG2410	30/06/2025	11	27,400	-88.63%	7.08	20	100.0%	5.69	7.28	64.00	64.00
CHDB2501	30/06/2025	11	102,100	-87.91%	2.48	90	50.0%	9.76	2.66	22.00	22.00
CACB2506	30/06/2025	11	1,000	-86.59%	2.74	70	40.0%	11.11	2.86	21.30	21.30
CSTB2507	21/07/2025	32	7,800	-66.07%	4.00	3,000	25.0%	10.79	16.00	47.15	47.15
CTCB2406	30/06/2025	11	80,600	-75.74%	2.80	1,090	22.5%	6.24	8.25	34.00	34.00
CTCB2505	30/06/2025	11	79,800	-71.65%	2.64	3,500	12.5%	15.68	9.64	34.00	34.00
CTCB2404	14/08/2025	56	41,100	-65.44%	2.50	1,850	12.1%	6.30	11.75	34.00	34.00
CTCB2506	23/10/2025	126	63,700	-62.53%	2.50	2,560	11.3%	7.89	12.74	34.00	34.00
CSTB2505	9/10/2025	112	7,400	-72.43%	4.00	3,000	11.1%	14.40	13.00	47.15	47.15
CSSB2504	23/02/2026	249	134,600	-79.93%	2.31	330	10.0%	3.97	3.63	18.10	18.10
CVHM2506	19/09/2025	92	100	-62.19%	5.11	4,400	9.7%	13.33	27.11	71.70	71.70
CSSB2503	19/11/2025	153	124,300	-82.57%	2.23	230	9.5%	3.98	3.15	18.10	18.10
CVHM2509	19/12/2025	183	2,800	-64.55%	5.67	3,950	9.1%	13.23	25.42	71.70	71.70
CTCB2501	28/07/2025	39	21,800	-64.71%	2.40	4,800	9.1%	15.81	12.00	34.00	34.00
CVJC2503	19/09/2025	92	871,900	-84.86%	11.00	240	9.1%	7.76	13.40	88.50	88.50
CVPB2506	6/10/2025	109	36,800	-82.56%	2.02	620	8.8%	8.48	3.23	18.50	18.50
CTCB2403	4/11/2025	138	172,300	-66.62%	2.60	1,750	8.0%	6.29	11.35	34.00	34.00
CTCB2503	27/10/2025	130	541,500	-67.00%	2.60	4,310	7.8%	15.72	11.22	34.00	34.00
CVIC2505	19/09/2025	92	700	-54.69%	5.56	6,990	7.4%	16.78	40.51	89.40	89.40
CTCB2504	9/01/2026	204	357,000	-57.85%	2.45	1,980	7.0%	5.27	14.33	34.00	34.00

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 19/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2410 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 100.00%. CVHM2406 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.23%.
- CMBB2407, CVIC2502, CVIC2405, CVHM2408, CVIC2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CSTB2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
TCB	34.00	3.66%	3.54
VIC	89.40	1.59%	2.28
LPB	32.40	1.41%	0.80
MWG	64.00	0.47%	0.48
VHM	71.70	0.42%	0.43

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	26.90	-0.92%	-1.25
FPT	116.00	-0.85%	-1.11
SHB	13.00	-1.14%	-0.32
VIB	18.00	-0.28%	-0.07
STB	47.15	-0.11%	-0.06

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	34.00	3.66%	2.04	7.06
VIC	89.40	1.59%	1.28	3.88
GVR	29.90	3.10%	0.86	4.00
CTG	40.70	1.37%	0.69	5.37
GAS	71.80	1.27%	0.50	2.34

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	18.20	4.60%	0.29	0.54
PVI	56.00	0.90%	0.08	0.23
VFS	28.50	2.89%	0.07	0.13
KSV	168.90	0.24%	0.05	0.20
NTP	79.90	0.50%	0.04	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PHR	55.30	6.96%	0.12	1.29
DGW	43.85	6.95%	0.15	7.33
LDG	2.64	6.88%	0.01	11.04
LGL	3.62	6.78%	0.00	0.10
VDP	37.50	6.23%	0.01	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MAC	20.60	8.42%	0.15	0.00
HAT	44.90	7.93%	0.04	0.00
DDG	2.80	7.69%	0.06	1.27
GKM	4.20	7.69%	0.04	0.41
POT	19.00	7.34%	0.10	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	26.90	-0.92%	-0.37	6.40
FPT	116.00	-0.85%	-0.34	1.48
HVN	38.00	-1.43%	-0.28	2.21
VCB	56.60	-0.18%	-0.20	8.36
BSR	18.80	-1.31%	-0.18	3.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHC	117.80	-9.94%	-0.12	0.02
PVS	35.50	-1.11%	-0.12	0.48
SHS	12.80	-1.54%	-0.11	0.89
DNP	18.80	-5.53%	-0.09	0.14
IDC	41.00	-0.97%	-0.08	0.33

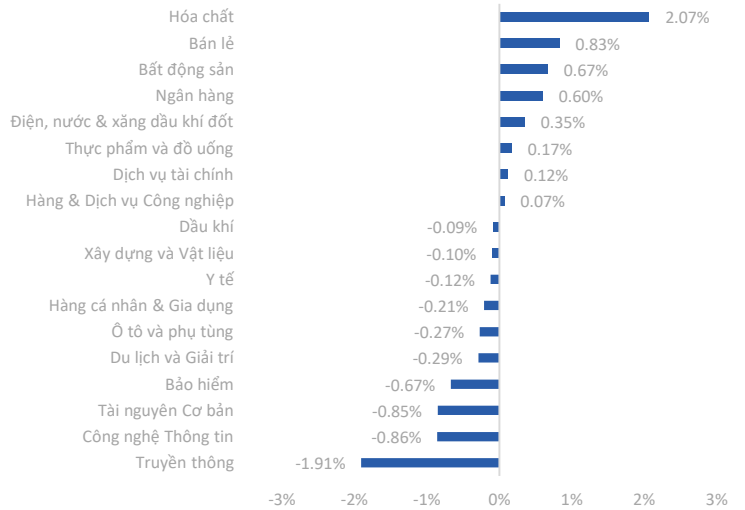
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNC	23.25	-7.00%	0.00	0.00
DCL	26.05	-6.96%	-0.03	0.69
VAF	18.65	-6.75%	-0.01	0.00
HAS	7.70	-6.44%	0.00	0.00
FUEIP100	9.00	-4.76%	0.00	0.00

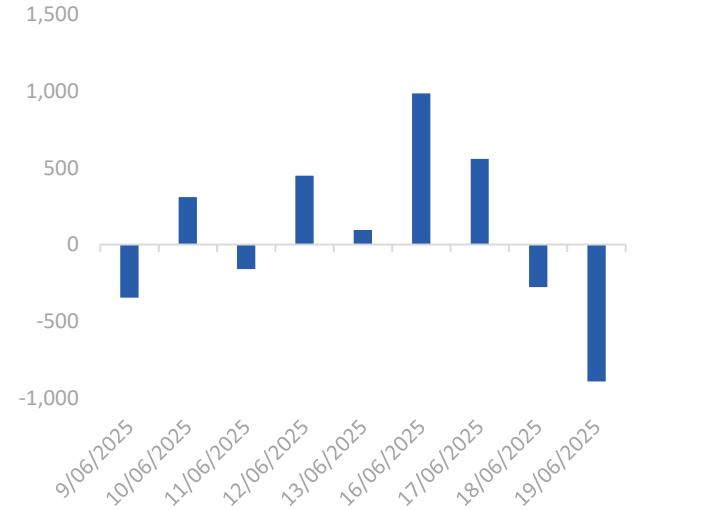
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HHC	117.80	-9.94%	-0.72	0.00
BTW	40.40	-9.82%	-0.14	0.02
KDM	15.80	-9.71%	-0.04	0.01
VE1	3.30	-8.33%	-0.01	0.05
VCM	7.10	-7.79%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.0	0.5%	1.4	94,208	503.9	2,978	21.4		48.0%	
KBC	Bất động sản	25.7	3.0%	1.7	19,113	208.6	1,629	15.3		17.7%	
KDH	Bất động sản	30.0	0.0%	1.2	30,334	107.8	896	33.5		35.4%	
PDR	Bất động sản	17.9	-0.3%	1.7	16,240	133.5	180	99.6	23,600	9.6%	Link
VHM	Bất động sản	71.7	0.4%	1.1	293,269	388.8	7,766	9.2	81,300	10.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	116.0	-0.9%	1.1	173,316	789.9	5,613	20.8	136,500	40.9%	Link
BSR	Dầu khí	18.8	-1.3%	0.0	59,065	79.8	(37)	-518.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	35.5	-1.1%	1.4	17,159	270.1	2,303	15.6	38,600	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.7	-0.4%	1.7	18,575	188.3	1,394	18.5		37.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.9	1.3%	1.4	46,536	467.5	1,545	15.3		34.4%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.6	-0.4%	1.4	25,672	104.0	1,602	22.3		29.2%	
DCM	Hóa chất	36.6	0.6%	1.7	19,270	194.5	2,805	13.0	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	97.4	0.0%	1.5	36,990	168.2	8,224	11.8	109,300	14.8%	Link
ACB	Ngân hàng	21.3	0.0%	0.8	109,411	181.1	3,224	6.6	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	35.8	0.4%	0.9	250,312	66.9	3,643	9.8	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	40.7	1.4%	1.0	215,605	413.6	4,806	8.4	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.0	0.2%	0.9	76,717	179.5	3,985	5.5	26,400	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	25.1	0.2%	0.9	152,862	394.0	4,049	6.2	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	-0.4%	1.2	31,460	105.6	2,150	5.6	14,000	27.8%	Link
STB	Ngân hàng	47.2	-0.1%	0.9	88,982	399.2	5,767	8.2		20.3%	
TCB	Ngân hàng	34.0	3.7%	1.2	231,727	842.5	3,013	10.9	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.4	0.0%	1.0	35,402	64.1	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.6	-0.2%	0.5	473,767	137.6	4,063	14.0	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.0	-0.3%	0.8	53,773	88.4	2,400	7.5	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.5	0.0%	0.9	146,778	343.6	2,030	9.1	24,000	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	-0.9%	1.1	173,658	631.8	1,954	13.9	35,800	22.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	-0.9%	1.5	10,495	76.2	749	22.6	16,800	8.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	30.0	-1.6%	1.8	10,191	361.2	3,930	7.8	32,200	2.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	67.5	0.0%	1.4	97,089	376.1	1,518	44.5	82,500	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.1	0.2%	0.5	117,038	147.4	4,194	13.4		48.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.9	6.95%	1.8	8,986	311.5	2,098	19.5	22.4%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	174.0	0.06%	1.2	23,693	64.9	3,279	53.0	32.5%	24.0%	Link
BVH	Bảo hiểm	51.3	-1.16%	1.1	38,527	12.0	2,975	17.4	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.4	0.29%	1.4	11,183	192.0	303	57.1	3.3%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.3	-0.31%	1.5	16,608	253.3	310	52.7	23.7%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.3	0.40%	1.3	4,486	72.2	443	56.8	3.3%	3.4%	
HDG	Bất động sản	24.9	0.00%	1.5	9,194	94.2	762	32.6	19.3%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	41.0	-0.97%	1.4	13,662	72.8	4,982	8.3	17.4%	31.2%	
NLG	Bất động sản	37.0	-3.02%	1.6	14,671	153.6	1,827	20.9	46.3%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	65.5	1.39%	0.0	13,600	26.0	6,076	10.6	4.4%	29.7%	
SZC	Bất động sản	33.5	1.67%	1.6	5,922	55.3	2,036	16.2	2.3%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.5	-1.27%	1.7	13,164	75.6	1,279	15.4	10.2%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	89.4	1.59%	1.2	336,482	298.4	2,823	31.2	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.7	0.20%	1.2	56,013	78.0	1,844	13.4	18.2%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.2	-1.23%	1.2	7,744	34.8	1,654	22.2	36.3%	12.5%	
PLX	Dầu khí	39.6	1.41%	1.0	49,553	99.4	1,535	25.4	17.3%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	21.3	-0.23%	1.5	11,868	165.7	1,246	17.1	4.5%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.4	0.00%	2.0	12,232	55.7	1,650	22.0	27.5%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.9	-0.37%	1.8	15,465	40.9	1,650	16.4	6.6%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.8	1.27%	0.8	166,096	192.6	4,543	15.6	1.9%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.0	-0.76%	1.0	30,679	159.8	546	24.0	3.4%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.0	0.00%	1.0	37,375	32.4	3,922	17.6	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	88.5	0.91%	0.6	51,884	225.2	2,778	31.6	12.0%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.0	0.29%	1.7	31,494	377.5	1,954	17.9	8.7%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.8	-1.26%	1.2	23,321	121.8	3,797	14.6	40.3%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.6	-2.00%	1.3	9,093	209.4	5,594	12.5	5.0%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.3	1.22%	1.4	8,473	55.5	3,026	7.9	10.5%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	115.9	0.35%	0.0	14,066	42.2	3,235	35.7	6.0%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	80.3	0.38%	1.0	27,032	19.8	6,105	13.1	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.0	-0.68%	1.1	3,272	44.2	2,608	11.2	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.5	0.00%	1.3	2,268	12.0	2,580	7.2	16.2%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	38.7	1.04%	1.5	14,988	246.7	1,223	31.3	7.3%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.9	3.10%	2.3	116,000	213.0	1,174	24.7	0.9%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.2	0.43%	1.0	42,936	307.6	1,856	12.4	5.3%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	32.4	1.41%	0.7	95,444	88.0	3,333	9.6	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.5	-0.30%	0.0	22,716	18.9	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.7	0.00%	1.0	28,726	36.0	1,189	9.8	19.4%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.2	-1.13%	1.4	5,953	58.3	1,122	11.9	5.5%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.4	-1.51%	1.6	4,420	11.2	612	27.1	1.3%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.6	0.00%	0.8	10,808	156.0	1,402	25.4	2.7%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.5	-0.10%	1.2	63,487	54.2	3,217	15.4	59.0%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.0	-0.92%	1.4	12,233	30.0	5,567	9.8	22.1%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	140.0	1.16%	1.0	11,330	33.4	13,288	10.4	85.5%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.0	-1.16%	1.3	8,594	71.3	3,238	26.6	48.8%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	99.5	-0.30%	1.6	11,416	49.6	4,754	21.0	9.5%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	46.0	-0.86%	1.4	4,677	65.1	2,336	19.9	7.1%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	-0.81%	1.5	5,827	35.4	1,090	11.3	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.2	0.23%	1.5	7,904	29.2	1,237	17.9	16.5%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	20.8	-0.48%	1.5	13,479	139.4	915	22.8	7.1%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.9	0.46%	1.6	19,593	23.0	2,720	16.1	5.6%	14.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>